

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2019

## KẾT QUẢ CHẤM LẦN 2

Môn học phần: 0211000961 - Kỹ thuật điện - điện tử

| STT | SBD    | Mã sinh viên | Họ đệm            | Tên   | Ngày sinh  | Mã LHP     | Chấm lần 1 | Chấm lần 2 |
|-----|--------|--------------|-------------------|-------|------------|------------|------------|------------|
| 1   | 180305 | 18000028     | Hà Văn            | Lương | 11/02/1996 | 18C1-CNÔ1  | 5.0        | 7.5        |
| 2   | 180339 | 18001074     | Nguyễn Trọng      | Nghĩa | 03/08/2000 | 18C1-CNÔ1  | 2.5        | 4.5        |
| 3   | 180318 | 18002277     | Ma Văn            | Minh  | 03/05/1999 | 18C1-CNÔ10 | 3.5        | 5.5        |
| 4   | 180321 | 18002278     | Phan Duy          | Minh  | 02/10/2000 | 18C1-CNÔ10 | 2.5        | 5.5        |
| 5   | 180333 | 18002360     | Nguyễn Văn        | Ngà   | 22/01/2000 | 18C1-CNÔ10 | 3.0        | 5.5        |
| 6   | 180335 | 18001224     | Đoàn Nhân         | Nghĩa | 05/07/2000 | 18C1-CNÔ10 | 2.5        | 3.5        |
| 7   | 180309 | 18002396     | Trần Đình         | Mẫn   | 02/01/2000 | 18C1-CNÔ11 | 4.0        | 6.5        |
| 8   | 180315 | 18002432     | Lê Nhựt           | Minh  | 28/10/1999 | 18C1-CNÔ11 | 3.0        | 6.5        |
| 9   | 180323 | 18002393     | Trần Ngọc         | Minh  | 02/01/2000 | 18C1-CNÔ11 | 4.5        | 6.5        |
| 10  | 180312 | 18002649     | Trần Văn          | Mão   | 24/11/1999 | 18C1-CNÔ12 | 2.0        | 4.0        |
| 11  | 180313 | 18002591     | Dương Hồng        | Minh  | 27/11/2000 | 18C1-CNÔ12 | 1.0        | 4.0        |
| 12  | 180322 | 18002544     | Phan Nhật         | Minh  | 16/05/2000 | 18C1-CNÔ12 | 3.0        | 5.0        |
| 13  | 180329 | 18002675     | Nguyễn Hữu        | Nam   | 10/11/2000 | 18C1-CNÔ12 | 4.0        | 6.0        |
| 14  | 180336 | 18002672     | K Hữu             | Nghĩa | 30/07/2000 | 18C1-CNÔ12 | 3.5        | 6.0        |
| 15  | 180328 | 18003149     | Nguyễn Hoàng      | Nam   | 16/12/2000 | 18C1-CNÔ15 | 3.5        | 5.5        |
| 16  | 180334 | 18003053     | Nguyễn Quốc       | Ngân  | 20/04/2000 | 18C1-CNÔ15 | 3.0        | 3.5        |
| 17  | 180342 | 18003046     | Mai Văn           | Ngọc  | 10/11/1999 | 18C1-CNÔ15 | 5.0        | 5.0        |
| 18  | 180331 | 18003300     | Trần Nhựt         | Nam   | 16/08/2000 | 18C1-CNÔ16 | 4.0        | 7.0        |
| 19  | 180337 | 18003350     | Lê Trọng          | Nghĩa | 01/01/2000 | 18C1-CNÔ16 | 5.0        | 7.0        |
| 20  | 180306 | 18003706     | Phan Tấn          | Lượng | 24/01/2000 | 18C1-CNÔ18 | 4.5        | 6.5        |
| 21  | 180319 | 18001469     | Nguyễn Công       | Minh  | 21/07/2000 | 18C1-CNÔ2  | 5.0        | 6.5        |
| 22  | 180326 | 18001410     | Dương Hải         | Nam   | 18/05/2000 | 18C1-CNÔ2  | 3.5        | 6.5        |
| 23  | 180338 | 18001462     | Lê Vũ             | Nghĩa | 23/03/2000 | 18C1-CNÔ2  | 5.5        | 6.0        |
| 24  | 180311 | 18001770     | Nguyễn Kim        | Mạnh  | 18/10/2000 | 18C1-CNÔ5  | 4.0        | 6.5        |
| 25  | 180320 | 18001812     | Nguyễn Hoàng      | Minh  | 13/09/2000 | 18C1-CNÔ5  | 3.5        | 3.5        |
| 26  | 180324 | 18001813     | Trần Nhật         | Minh  | 04/10/1999 | 18C1-CNÔ5  | 3.5        | 5.0        |
| 27  | 180330 | 18001731     | Nguyễn Thành      | Nam   | 14/09/2000 | 18C1-CNÔ5  | 4.5        | 4.5        |
| 28  | 180341 | 18001776     | Trần Trọng        | Nghĩa | 11/10/2000 | 18C1-CNÔ5  | 4.0        | 4.0        |
| 29  | 180307 | 18001829     | Nguyễn Huỳnh Công | Lý    | 10/10/2000 | 18C1-CNÔ6  | 3.5        | 5.0        |
| 30  | 180310 | 18001899     | Võ Minh           | Mẫn   | 28/08/2000 | 18C1-CNÔ6  | 3.0        | 7.0        |
| 31  | 180316 | 18001837     | Lê Quốc           | Minh  | 10/09/2000 | 18C1-CNÔ6  | 3.5        | 8.0        |
| 32  | 180314 | 18002034     | Giang Nhật        | Minh  | 30/12/1999 | 18C1-CNÔ8  | 3.5        | 7.0        |
| 33  | 180325 | 18002127     | Đặng Hoàng        | Nam   | 18/01/2000 | 18C1-CNÔ8  | 1.5        | 4.5        |
| 34  | 180340 | 18002098     | Nguyễn Trọng      | Nghĩa | 14/10/2000 | 18C1-CNÔ8  | 4.0        | 5.5        |
| 35  | 180308 | 18002235     | Nguyễn Minh       | Mẫn   | 17/07/2000 | 18C1-CNÔ9  | 4.0        | 7.0        |
| 36  | 180317 | 18002145     | Lý Khánh          | Minh  | 28/08/2000 | 18C1-CNÔ9  | 4.0        | 5.5        |
| 37  | 180327 | 18002252     | Kiều Công         | Nam   | 23/05/2000 | 18C1-CNÔ9  | 3.5        | 7.0        |
| 38  | 180332 | 18002164     | Võ Hoài           | Nam   | 04/01/2000 | 18C1-CNÔ9  | 3.0        | 7.0        |

Tổng cộng danh sách có 38 sinh viên

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ



Võ Thị Anh Đào